

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6 - 2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà.

Ông Nguyễn Văn Ngư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Trung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phương Thị Thu Tr, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Chị Tr, anh Kh đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 4 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phương Thị Thu Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr, anh Kh tự nguyện tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức đám cưới thì anh, chị chung sống tại Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian chung sống anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc như trước, mỗi người đều có suy nghĩ

riêng nên không còn hợp nhau. Do đó, chị Tr yêu cầu không công nhận chị và anh Kh là vợ chồng.

Về con chung: Thời gian chung sống chị Tr, anh Kh có hai con chung tên Nguyễn Thanh Ph, sinh ngày 01-12-1992 và Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 18-12-1995. Các con chung đã trưởng thành, có gia đình riêng, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Quốc Kh trình bày:

Anh Kh thống nhất với chị Tr về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh Kh và chị Tr không còn sống chung với nhau đã lâu, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên anh Kh thống nhất với chị Tr yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ giữa anh và chị Tr không phải là vợ chồng. Các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung thì không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Phương Thị Thu Tr khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Quốc Kh. Anh Kh cư trú tại Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án là “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Tr và bị đơn anh Kh đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn chị Tr và bị đơn anh Kh đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, anh chị đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2021/QĐXXST-DS ngày 11-6-2021 thì Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là bà Huỳnh Mộng Kiều. Tại Thông báo số: 06/TB-VKS-DS ngày 16-6-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thì vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì vụ án không thuộc các trường hợp Viện kiểm sát phải tham

gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr, anh Kh thống nhất là anh chị tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Tại Công văn số: 262/UBND ngày 07-6-2021 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thì: *“Qua trích lục tàng thư Hộ tịch Kết hôn và Xác nhận tình trạng hôn nhân lưu trữ tại UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả bà Phương Thị Thu Tr. Sinh năm 1976 và ông Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1970. Cùng cư trú tại ấp An Tập, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Không có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng”*. Đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị Tr, anh Kh chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, không đăng ký kết hôn là sự thật.

[5] Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tr và anh Kh. Hội đồng xét xử xét thấy, tại Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*. Tại Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Theo quy định viện dẫn thì chị Tr, anh Kh chung sống với nhau như vợ chồng, có điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tr và anh Kh.

[6] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số: 401/1996, quyền số: 01/1996 và Giấy khai sinh số 359/2010, quyền số: 02/2010 của Ủy ban nhân dân xã An Hiệp, huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành), tỉnh Sóc Trăng thì chị Tr và anh Kh có hai con chung tên Nguyễn Thanh Phát (giới tính: Nam), sinh ngày 01-12-1992 và Nguyễn Hoàng Huy (giới tính: Nam), sinh ngày 18-12-1995. Các con chung đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, chị Tr và anh Kh đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh Kh thống nhất không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Tr là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92, Khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phương Thị Thu Tr và anh Nguyễn Quốc Kh.

2. Về con chung: Các con chung tên Nguyễn Thanh Phát (giới tính: Nam), sinh ngày 01-12-1992 và Nguyễn Hoàng Huy (giới tính: Nam), sinh ngày 18-12-1995 đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, chị Tr và anh Kh đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phương Thị Thu Tr và anh Nguyễn Quốc Kh thống nhất không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Phương Thị Thu Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số: AA/2017/0008654 ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Chị Phương Thị Thu Tr đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành

án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã An Hiệp, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt